CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Phân lân Ninh Bình

Ngày 31/12/2024	16,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**-6.1%**	**12.7%**

DT thuần
Q4/24
156
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.0| -14.2%
YoY: ▼52.0| -24.9%

LN thuần
Q4/24
12.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.38| 57.4%
YoY: ▲ 7.14| 147%

LN sau thuế
Q4/24
10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.86| 54.9%
YoY: ▲ 5.18| 91.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
6.1%
YoY: +/-▲ 1.0%

ROE
2024
21.0%
YoY: +/-▲ 7.0%

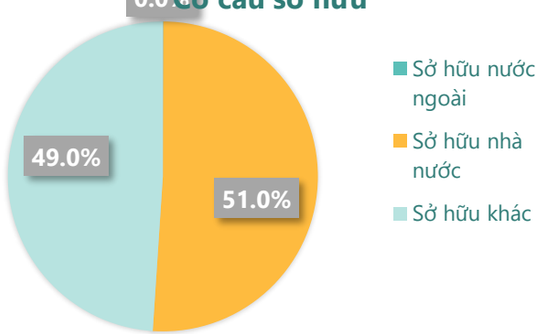
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,739 - 19,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	266
Số lượng CPLH (CP)	15,731,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	975
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	2,807
P/E	6.0

DT thuần
2024
914
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 187| 25.9%

LN thuần
2024
51.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.4| 66.1%

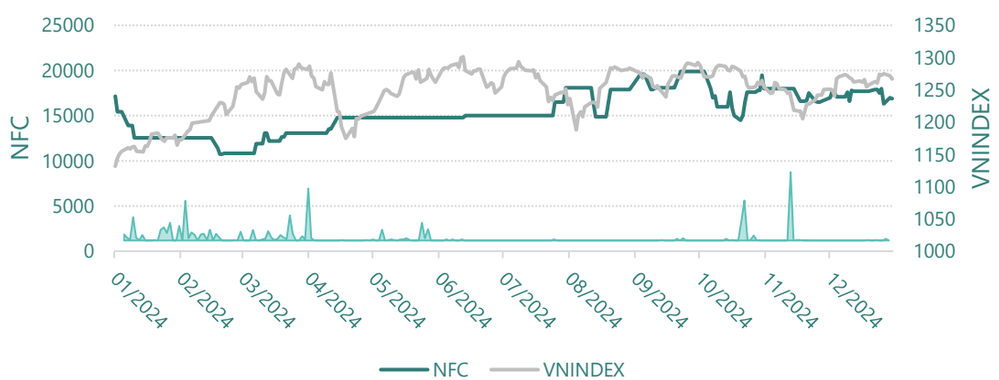
LN sau thuế
2024
44.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.6| 59.0%

Cơ cấu sở hữu

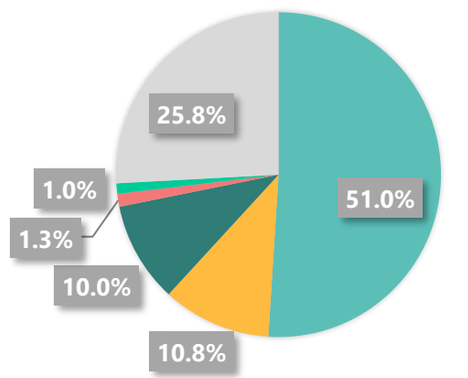


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

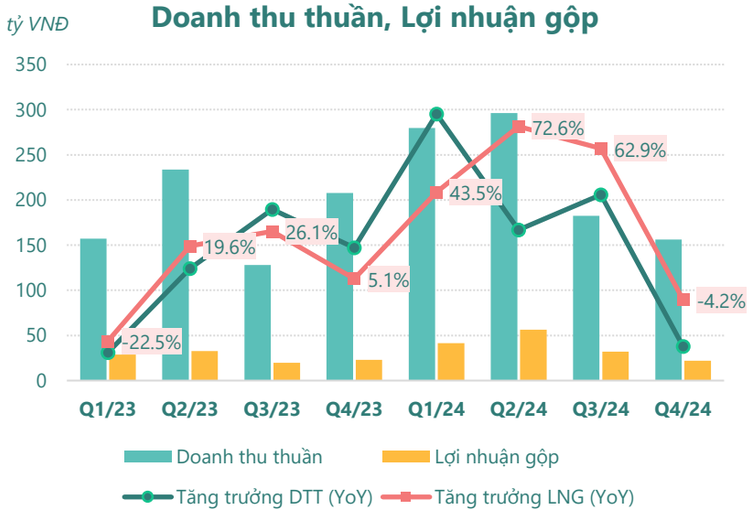


- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Công ty TNHH Hoàng Ngân
- Phạm Mạnh Ninh (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Hồng Sơn (Thành viên HĐQT)
- Hoàng Mỹ Hạnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

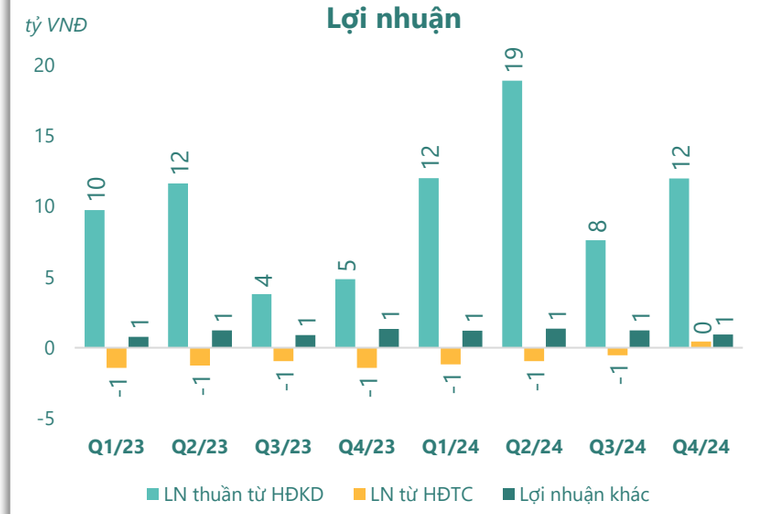
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



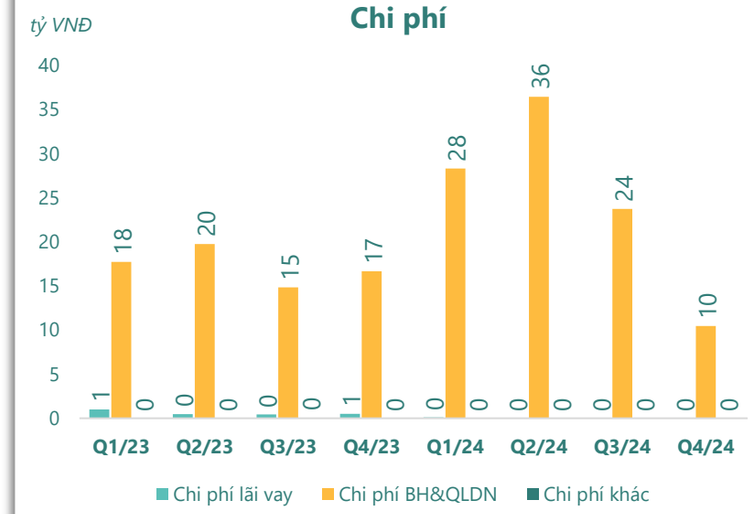
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



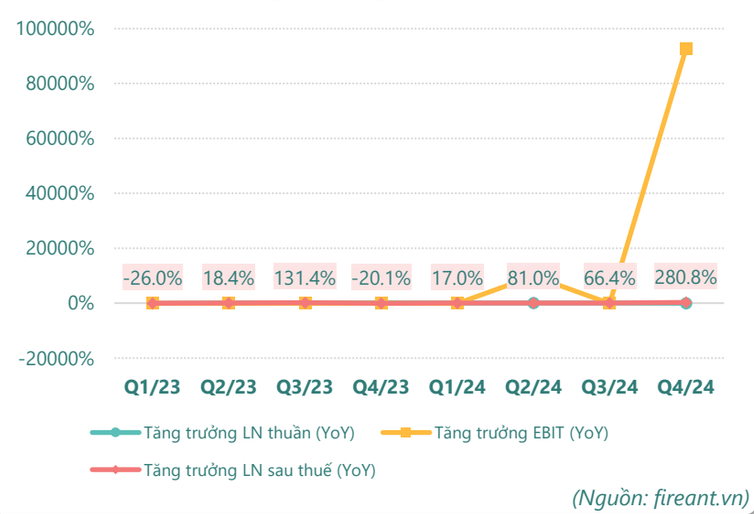
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



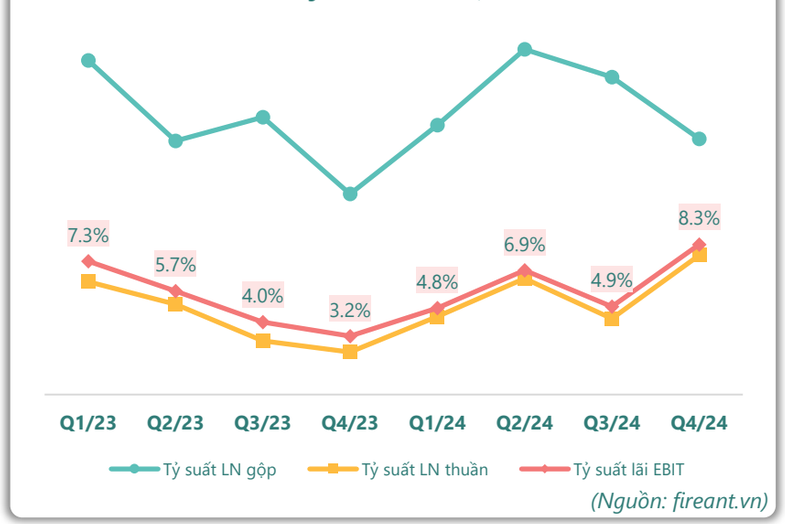
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



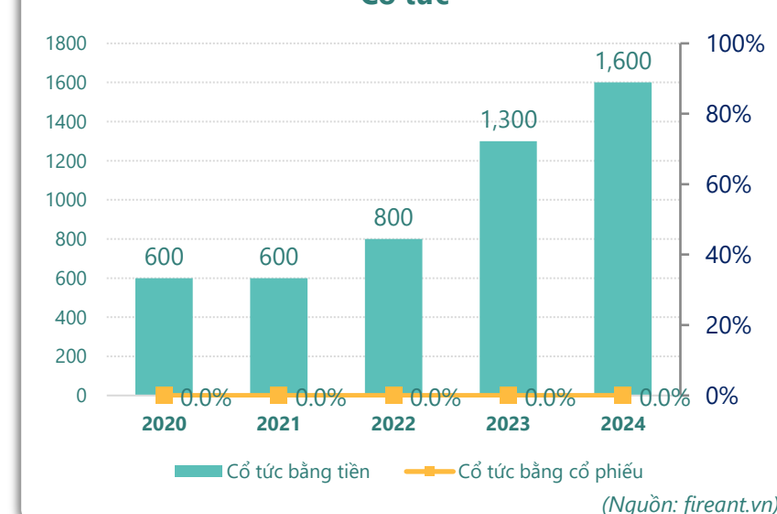
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

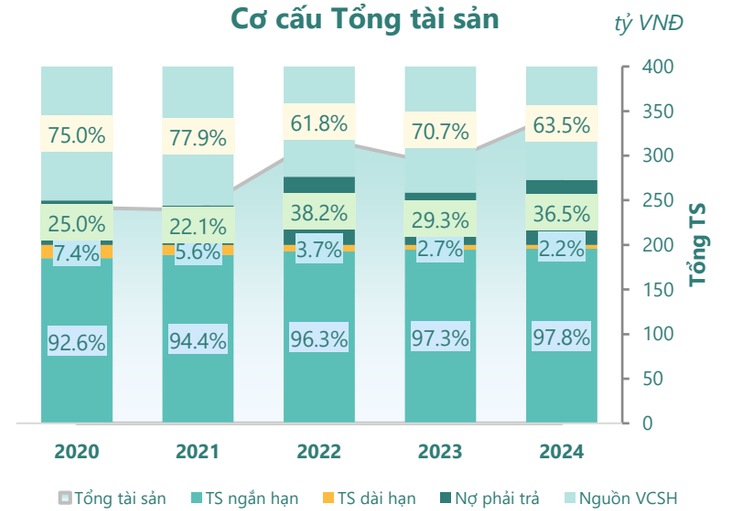
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

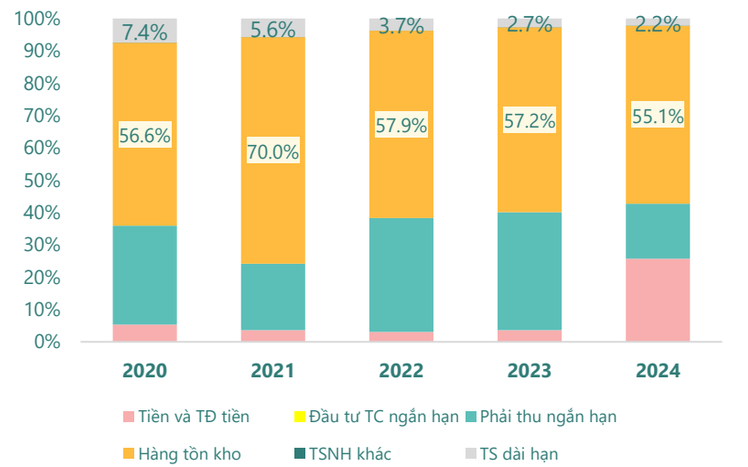
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



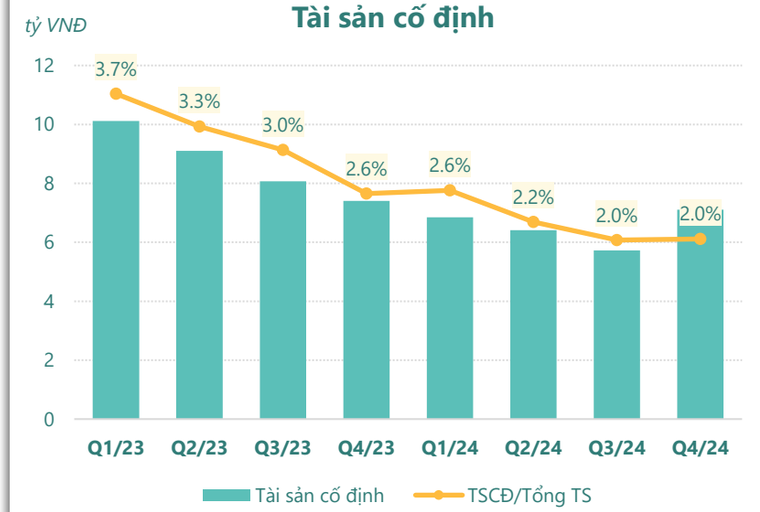
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



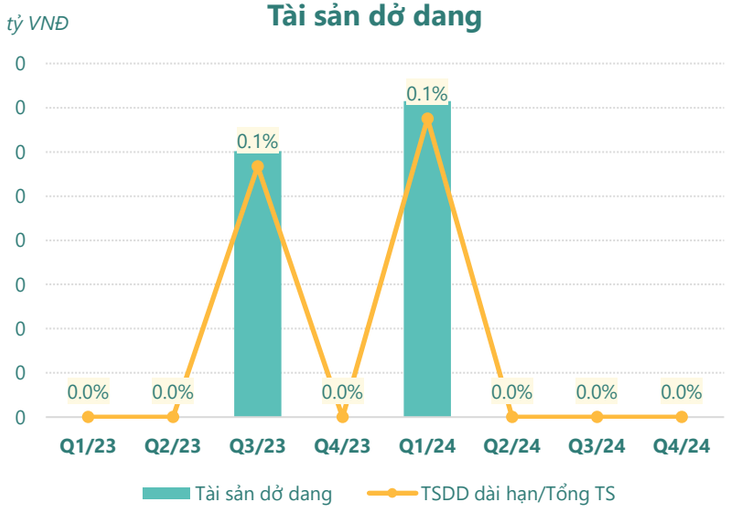
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



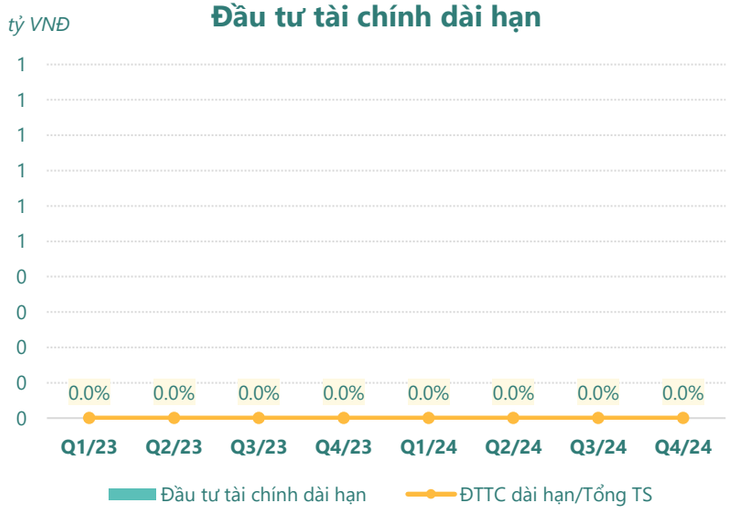
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



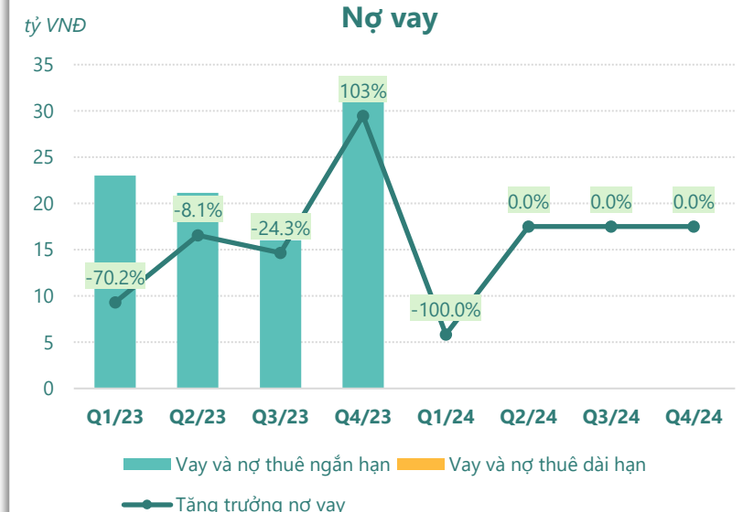
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

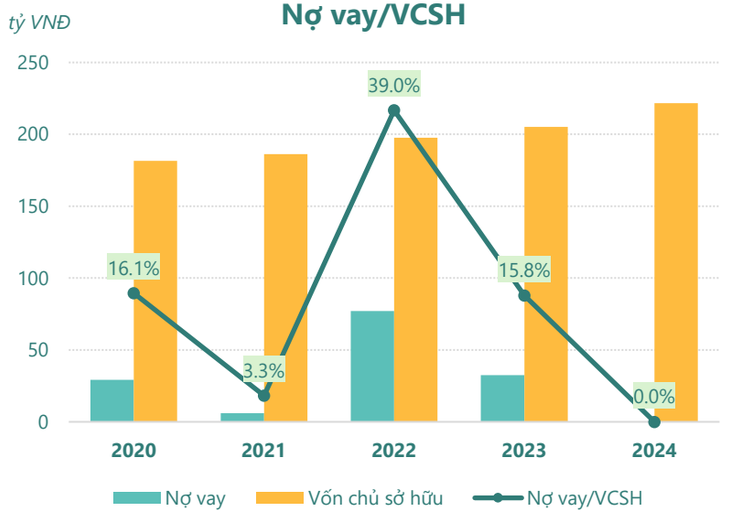
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

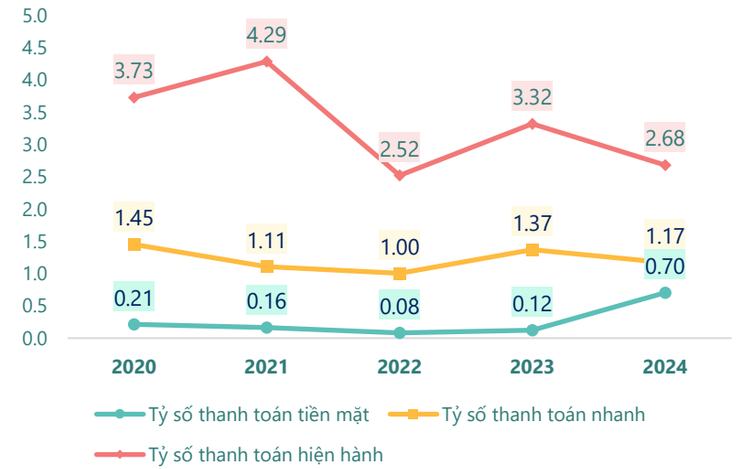
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



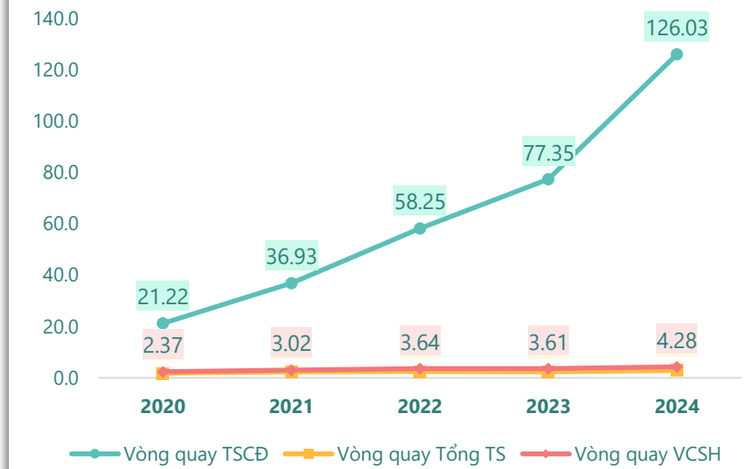
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



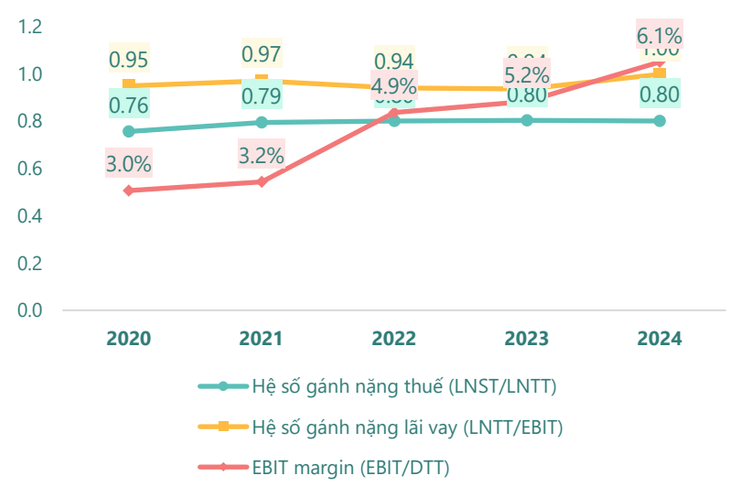
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



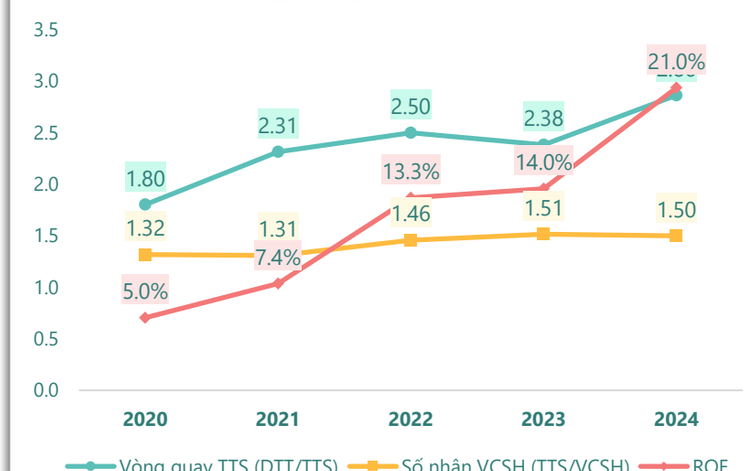
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



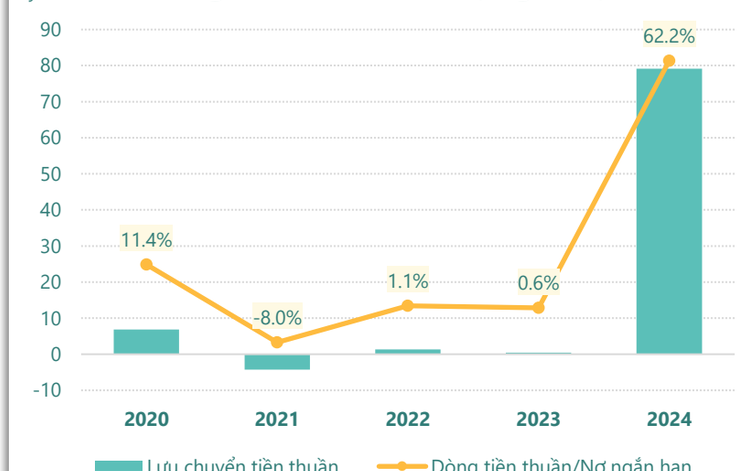
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**156**	**208**	**-24.9%**	**914**	**727**	**25.9%**
Giá vốn hàng bán	134	185	-27.5%	763	622	22.7%
Lợi nhuận gộp	22.0	23.0	-4.3%	152	105	44.7%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.00		1.45	0.07	1891%
Chi phí TC	0.26	1.42	-81.8%	3.66	5.15	-28.9%
Chi phí lãi vay	0	0.50	-100%	0.11	2.40	-95.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.30	9.18	-75.0%	63.3	42.2	50.1%
Chi phí QLDN	**8.15**	**7.50**	**8.7%**	**34.9**	**26.7**	**30.6%**
LN thuần từ HĐKD	12.0	4.86	147%	51.2	30.8	66.1%
Lợi nhuận khác	**0.93**	**1.33**	**-30.2%**	**4.72**	**4.23**	**11.6%**
LN trước thuế	12.9	6.19	109%	55.9	35.0	59.6%
Lợi nhuận sau thuế	**10.8**	**5.62**	**91.3%**	**44.7**	**28.1**	**59.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.8**	**5.62**	**91.3%**	**44.7**	**28.1**	**59.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.46	-14.7	81.5	36.5	-14.4	34.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	0.15	-0.51	0.29	0.21	-1.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.14	16.4	-32.4	-25.2	0	0
Tiền đầu kỳ	8.54	8.57	10.4	58.9	70.5	56.3
Lưu chuyển tiền thuần	**0.02**	**1.85**	**48.5**	**11.6**	**-14.2**	**33.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	8.57	10.4	58.9	70.5	56.3	89.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**349**	**290**	**20.3%**
Tài sản ngắn hạn	341	282	20.9%
Tiền và tương đương tiền	89.6	10.4	760%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	59.6	106	-43.8%
Hàng tồn kho	192	166	15.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.09	-11.1%
Tài sản dài hạn	**7.59**	**7.77**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	7.11	7.41	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.47**	**0.37**	**27.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	128	85.0	50.4%
Nợ ngắn hạn	**128**	**85.0**	**50.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	32.4	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.3	31.3	-48.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**221**	**205**	**7.8%**
Vốn chủ sở hữu	**221**	**205**	**7.8%**
Vốn điều lệ	157	157	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)